

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày 27-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Lương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 04/2025/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình D; sinh ngày 14 tháng 5 năm 1989 tại xã H1, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn T1, xã H1, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn T1, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K (đã chết) và bà Hoàng Thị T3; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 79/2022/HS-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 26-10-2024 chấp hành xong; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 58/2019/HS-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm, ngày 07-01-2020 chấp hành xong, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 17-3-2025 và tạm giam từ ngày 23-3-2025 đến nay; có mặt.

2. Lý Văn H2; sinh ngày 16 tháng 10 năm 1993 tại xã T4, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn M, xã T4, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn M, xã T5, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn):

12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn N1 và bà Hà Thị Q (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 58/2017/HSST ngày 21-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, ngày 01-02-2019 chấp hành xong, đã được xoá án tích; tại Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 23-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện T6, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 01-7-2022 chấp hành xong, đã được xoá án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 17-3-2025 và tạm giam từ ngày 23-3-2025 đến nay; có mặt.

3. Hoàng Văn T7; sinh ngày 03 tháng 6 năm 1998 tại xã T4, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã T4, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn B, xã T4, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị T8; có vợ là Nông Thị N2 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định số 53/QĐ-TA ngày 27-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, ngày 13-5-2022 chấp hành xong, đã được xoá; bị bắt tạm giữ từ ngày 17-3-2025 và tạm giam từ ngày 23-3-2025 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lý Thị T9, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã T4, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn M, xã T5, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

2. Chị Nông Thị N2, sinh năm 2000; địa chỉ thôn B, xã T4, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn B, xã T4, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Nông Văn P, sinh năm 1988; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1971; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Văn H2 và Nguyễn Đình D quen nhau từ trước, trong một lần gặp nhau Nguyễn Đình D nói với Lý Văn H2 là có ma túy, nếu mua thì liên hệ với Nguyễn Đình D. Khoảng 09 giờ ngày 17-3-2025, Nguyễn Đình D một mình đón xe khách đi từ thôn T1, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn đến khu vực thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời. Khi đến nơi, Nguyễn Đình D gặp và hỏi mua 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền ma túy với một người đàn ông tên H3 (không biết họ, địa chỉ) khoảng 40 tuổi. Người đàn ông nhận tiền rồi đưa cho Nguyễn Đình D 15 (mười lăm) gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong tất cả các gói giấy đều chứa chất ma túy Heroin. Nguyễn Đình D nhận số ma túy rồi

đón xe khách về nhà, tự sử dụng hết 03 (ba) gói ma túy. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đình D mở một gói ma túy rồi tự sử dụng một nửa, phần còn lại gói lại như ban đầu rồi dùng 01 (một) mảnh giấy vệ sinh màu trắng bọc cùng 02 (hai) gói ma túy mới và cất trong túi quần bên phải đang trước đang mặc. Còn lại 09 (chín) gói ma túy Nguyễn Đình D cất giấu vào 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn có nắp để trên giá đựng cốc chén trong phòng bếp với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 đều sử dụng chất ma túy nên quen biết nhau từ trước. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17-3-2025, Lý Văn H2 liên hệ với Hoàng Văn T7 qua tin nhắn ứng dụng Zalo, biết Hoàng Văn T7 đang chuẩn bị đi mua ma túy về sử dụng nên Lý Văn H2 rủ Hoàng Văn T7 đến khu vực hang chui thuộc thôn H3, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H1, tỉnh Lạng Sơn) để cùng đi mua ma túy. Hoàng Văn T7 và Lý Văn H2 tự đi xe mô tô đến và thống nhất góp tiền mua ma túy, Hoàng Văn T7 góp 100.000 (một trăm nghìn) đồng, Lý Văn H2 góp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Sau đó, Lý Văn H2 sử dụng số điện thoại 0398.417.1** gọi điện cho Nguyễn Đình D vào số điện thoại 0835.326.8** để hỏi mua 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền ma túy Heroin. Nguyễn Đình D đồng ý và hẹn ra khu vực chùa T1 thuộc thôn T1, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn để giao dịch mua bán ma túy. Lý Văn H2 chở Hoàng Văn T7 đến điểm hẹn rồi nhận 100.000 (một trăm nghìn) đồng tiền góp mua ma túy của Hoàng Văn T7 rồi một mình Lý Văn H2 đi bộ xuống phía bờ suối gần chùa T1 để mua ma túy. Tại đây, Lý Văn H2 đưa 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho Nguyễn Đình D; Nguyễn Đình D nhận tiền và lấy từ túi quần bên phải đang trước đang mặc ra 01 (một) gói giấy vệ sinh bên trong có 03 (ba) gói giấy màu trắng có dòng kẻ chứa ma túy, Nguyễn Đình D cất 01 (một) gói vào túi quần bên phải đang mặc rồi đưa cho Lý Văn H2 (hai) gói giấy chứa ma túy được bọc trong mảnh giấy vệ sinh màu trắng trong đó có 01 (một) gói ma túy Nguyễn Đình D đã sử dụng một nửa. Sau khi giao dịch xong, Nguyễn Đình D đi bộ về nhà sử dụng hết 02 (hai) gói ma túy trong lọ nhựa còn Lý Văn H2 quay lại chỗ để xe mô tô nơi Hoàng Văn T7 đang chờ và đưa số ma túy vừa mua được cho Hoàng Văn T7 rồi chở Hoàng Văn T7 đến khu vực hang chui thuộc thôn H3, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Khi tới nơi, Lý Văn H2 để xe mô tô cạnh đường rồi cả hai cùng đi bộ xuống khu vực cổng phía dưới hang chui để tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang trong lòng bàn tay phải của Hoàng Văn T7 có 02 (hai) gói giấy chứa chất ma túy Heroin. Tổ công tác đã đưa Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 cùng toàn bộ tang vật về trụ sở Đoàn Biên phòng T10 để tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời:

- Tang giữ của Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7: 01 (một) mảnh giấy vệ sinh màu trắng kích thước 07cm x 08cm; 02 (hai) gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroin được niêm phong trong một phong bì có in chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG T10” ký hiệu “(1)” .

- Tang giữ của Lý Văn H2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng (cũ đã qua sử dụng), số IMEI1: 3572670950152**;

IMEI2: 3572670949705**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 03984171**;
01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xám, biển kiểm soát 12V1-075**, số khung: RLHHC1216DY7907** (xe cũ, đã qua sử dụng).

- Tạm giữ của Hoàng Văn T7: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng (cũ, đã qua sử dụng), số IMEI1: 3531041015177**;
số IMEI2: 3531041016348**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 09693314**;
01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER màu đỏ không gắn biển kiểm soát, số khung: RLCUE1370RI0152** (xe cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) bơm kim tiêm.

Căn cứ lời khai của Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 và tài liệu, chứng cứ thu thập được, cùng ngày 17-3-2025, Đoàn Biên phòng T10 đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh khám xét khẩn cấp người và nơi ở đối với Nguyễn Đình D tại thôn T1, xã T2, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Thu giữ đồ vật, tài liệu gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen (cũ đã qua sử dụng), số IMEI1: 351402648921**;
số IMEI2: 3514028649821**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 08353268**.

+ 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroin trong túi quần bên phải đằng trước của Nguyễn Đình D.

+ 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn có nắp (kích thước chiều cao 6,1cm, đường kính đáy 3,6 cm) bên trong có 07 (bảy) gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroin.

08 (tám) gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy Heroine, được niêm phong trong 01 (một) phong bì có in chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG T10” ký hiệu “(2)”.

Tại Kết luận giám định số 267/KL-KTHS ngày 19-3-2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

“1. 01 (một) phong bì in chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG T10”, ký hiệu “(01)”, bên trong có: Chất bột màu trắng có trong 02 (hai) gói giấy màu trắng có dòng kẻ gửi giám định đều là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng 0,151 gam (đã trừ bì).

2. 01 (một) phong bì in chữ “ĐOÀN BIÊN PHÒNG T10”, ký hiệu “(02)”, bên trong có: Chất bột màu trắng có trong 08 (tám) gói giấy màu trắng có dòng kẻ gửi giám định đều là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng 0,508 gam (đã trừ bì).”

(Tại Công văn số 87/PC09 ngày 17-3-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn khẳng định: “... chất ma túy được gọi là Heroine hoặc Heroin đều là tên gọi của cùng một chất ma túy có tên khoa học là Diacetylmorphine”).

Ngày 25-4-2025, chị Nông Thị N2 mang đến nộp 01 (một) biên kiểm soát xe mô tô số 12VA – 034.**.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, chị Nông Thị N2 trình bày: Chị là vợ của Hoàng Văn T7; chiếc xe mô tô YAMAHA JIPITER biên kiểm soát 12VA–034.**, là xe của riêng chị mua bằng tiền riêng do chị đứng tên; chị nghĩ Hoàng Văn T7 mang xe đi lắp biển do trước đó biển xe bị rơi ra; chị không biết Hoàng Văn T7 mang xe đi mua ma túy, chị xin lại chiếc xe để sử dụng. Chị Lý Thị T9 trình bày: Chị là chị gái của Lý Văn H2, chiếc xe mô tô HONDA WAVE biên kiểm soát 12V1 – 075.** là của chị; chị cho Lý Văn H2 mượn xe để đi đăng ký uống thuốc Methadone; chị không biết Lý Văn H2 sử dụng xe để đi mua ma túy, chị xin lại chiếc xe và không có yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị V2, anh Nông Văn P khai được chứng kiến việc bắt người phạm tội quả tang, khám xét và niêm phong tang vật theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 26-6-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn) truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng đã truy tố, giữ nguyên các lời khai về hành vi đã thực hiện và thừa nhận việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; bị cáo Nguyễn Đình D khẳng định chỉ được bán ma túy cho bị cáo Lý Văn H2, không nhìn thấy và không biết Hoàng Văn T7, số tiền bán ma túy cho Lý Văn H2 bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết; các bị cáo thừa nhận ba chiếc điện thoại bị tạm giữ, các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi, mua bán ma túy; đối với số ma túy, vỏ bao gói, bơm kim tiêm đề nghị tiêu hủy. Bị cáo Lý Văn H2 khẳng định chiếc xe mô tô biên kiểm soát 12V1–075.** là của chị Lý Thị T9, chị không biết bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy, đề nghị trả lại chiếc xe cho chị Lý Thị T9. Bị cáo Hoàng Văn T7 khẳng định chiếc xe mô tô YAMAHA JIPITER biên kiểm soát 12VA–034.** là tài sản riêng của chị Nông Thị N2, chị không biết bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy, đề nghị trả lại chiếc xe cho chị Nông Thị N2. Về chiếc điện thoại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các bị cáo Lý Văn H2, Hoàng Văn T7 thay đổi lời khai; bị cáo Lý Văn H2 và chị Lý Thị T9 cho rằng chiếc điện thoại tạm giữ của Lý Văn H2 là của chị Lý Thị T9 và đề nghị trả lại cho chị Lý Thị T9; bị cáo Hoàng Văn T7 và chị Nông Thị N2 cho rằng chiếc điện thoại tạm giữ của Hoàng Văn T7 là của chị Nông Thị N2 đề nghị trả lại chiếc điện thoại cho chị Nông Thị N2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn

Đình D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7; đối với bị cáo Hoàng Văn T7 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Lý Văn H2 và bị cáo Hoàng Văn T7 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; xử phạt bị cáo Lý Văn H2 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T7 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, toàn bộ các vỏ bao gói; 01 (một) mảnh giấy vệ sinh; 01 (một) bơm kim tiêm; 01 (một) lọ nhựa; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 (ba) chiếc điện thoại của các bị cáo; truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đình D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bán ma túy mà có; trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1-075.** cho chị Lý Thị T9; trả lại chiếc xe mô tô YAMAHA JIPITER và biển kiểm soát 12VA-034.** cho chị Nông Thị N2; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; chị Lý Thị T9 đề nghị trả lại chiếc điện thoại tạm giữ của Lý Văn H2 cho chị vì là điện thoại của chị; chị Nông Thị N2 đề nghị trả lại chiếc điện thoại tạm giữ của Hoàng Văn T7 cho chị vì là điện thoại của chị. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn H2, Hoàng Văn T7 và chị Lý Thị T9, chị Nông Thị N2 thay đổi lời khai cho rằng chiếc điện thoại là của các chị nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

[2.1] Về hành vi của Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7: Khoảng 13 giờ ngày 17-3-2025, các lực lượng chức năng đã bắt quả tang Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) gói ma túy Heroine có khối lượng là

0,151 gam với mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện (hành vi thực hiện trước ngày 01-7-2025). Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lý Văn H2 và bị cáo Hoàng Văn T7 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Lý Văn H2 và bị cáo Hoàng Văn T7 là đồng phạm tuy nhiên có tính chất giản đơn. Bị cáo Lý Văn H2 khi biết Hoàng Văn T7 có ý định đi mua ma túy về sử dụng đã rủ Hoàng Văn T7 cùng đi mua ma túy về sử dụng; khi hai người đến điểm hẹn, Lý Văn H2 đã dùng xe mô tô chở Hoàng Văn T7 đến địa điểm mua ma túy; Lý Văn H2 góp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; Hoàng Văn T7 góp 100.000 (một trăm nghìn) đồng; là người trực tiếp giao dịch, mua ma túy, xét thấy vai trò của bị cáo Lý Văn H2 tích cực hơn.

[2.2] Về hành vi của Nguyễn Đình D: Khoảng 09 giờ ngày 17-3-2025, Nguyễn Đình D đã sử dụng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng mua được 15 (mười lăm) gói ma túy mang về sử dụng và bán kiếm lời, Nguyễn Đình D sử dụng hết 05 (năm) gói và một nửa gói; đã bán cho Lý Văn H2 02 (hai) gói ma túy (bao gồm gói ma túy bị cáo đã sử dụng một nửa) có khối lượng 0,151 gam Heroine được 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; còn lại bị lực lượng chức năng bắt quả tang và thu giữ 08 (tám) gói ma túy có khối lượng 0,508 gam ma túy Heroine. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện (hành vi thực hiện trước ngày 01-7-2025). Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gián tiếp gây ra tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với bản thân và xã hội, nhưng chỉ vì để kiếm lời hoặc để có ma túy cho bản thân sử dụng, các bị cáo đã bất chấp pháp luật và dư luận xã hội, để thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Hoàng Văn T7 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 23-9-2022, bị cáo Nguyễn Đình D bị xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 26-10-2024 chấp hành xong, chưa được xóa án tích; lần phạm tội này là tái phạm. Bị cáo Lý Văn H2 và Hoàng Văn T7 không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Đình D đã hai lần bị kết án một lần đã được xóa án tích, một lần chưa được xóa án tích, xét thấy có nhân thân xấu. Bị cáo Lý Văn H2 đã hai lần bị kết án, bị cáo Hoàng Văn T7 đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, tuy đều đã được xóa nhưng xét thấy có nhân thân không tốt.

[7] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị, bản thân nghiện ma túy, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 (hai) phong bì và toàn bộ các vỏ bao gói; 01 (một) mảnh giấy vệ sinh; 01 (một) bơm kim tiêm, 01 (một) lọ nhựa là vật Nhà nước cấm tàng trữ lưu hành, vật không sử dụng được và vật dùng vào việc phạm tội; đối với 03 (ba) chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy, tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị cáo Hoàng Văn T7, bị cáo Lý Văn H2 thay đổi lời khai cho rằng điện thoại là của chị gái và của vợ bị cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh; những chiếc điện thoại này các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đình D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bị cáo bán ma túy mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 12V1-075.** quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Lý Thị T9, chị Lý Thị T9 không biết Lý Văn H2 sử dụng xe để đi mua ma túy, nên cần trả lại chiếc xe cho chị Lý Thị T9. Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA JUPITER không gắn biển kiểm soát và 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô số 12VA-034.** quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nông Thị N2, chị không biết Hoàng Văn T7 sử dụng xe để đi mua ma túy nên cần trả lại cho chị Nông Thị N2.

[10] Đối với người đàn ông tên H3 bán ma túy cho bị cáo do bị cáo không biết họ và địa chỉ, Cơ quan điều tra không làm rõ được nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến phù hợp với nhận định được chấp nhận, ý kiến không phù hợp với nhận định không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Đình D.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lý Văn H2.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hoàng Văn T7.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn H2, Hoàng Văn T7 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Lý Văn H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T7 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 17 tháng 3 năm 2025.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong có in chữ “ĐỒN BIÊN PHÒNG T10”, ký hiệu “(1)” cũ; bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,132 gam Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và các vỏ bao gói cũ.

- 01 (một) phong bì niêm phong có in chữ “ĐỒN BIÊN PHÒNG T10”, ký hiệu “(2)” cũ; bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,482 gam Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và các vỏ bao gói cũ.

- 01 (một) mảnh giấy vệ sinh màu trắng kích thước 07cm x 08cm;

- 01 (một) bơm kim tiêm.

- 01 (một) lọ nhựa hình trụ màu trắng có nắp (cao 6,1cm, đường kính đáy 3,6 cm).

3.2. Tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng (cũ đã qua sử dụng), số IMEI1: 3572670950152**; số IMEI2: 3572670949705**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 03984171**; tạm giữ của Lý Văn H2.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng (cũ đã qua sử dụng), số IMEI1: 3531041015177**; số IMEI2: 3531041016348**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 09693314**; tạm giữ của Hoàng Văn T7.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen (cũ đã qua sử dụng), số IMEI1: 351402648921**; số IMEI2: 3514028649821**, bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 08353268**; tạm giữ của Nguyễn Đình D.

3.3. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đình D số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3.4. Trả lại cho chị Lý Thị T9 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xám, biển kiểm soát 12V1-075**, số khung: RLHHC1216DY7907** (xe cũ, đã qua sử dụng).

3.5. Trả lại cho chị Nông Thị N2 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER màu đỏ không gắn biển kiểm soát, số khung: RLCUE1370RI0152** (xe cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô số 12VA – 034.**.

*(Vật chứng đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực * - Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23-7-2025).*

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lý Văn H2, Hoàng Văn T7, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV2 - Lạng Sơn;
- CQĐT CA T. Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn (Phòng hồ sơ);
- CQTHAHS CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam N3, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến VA;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh